

Về đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

HUYỀN VĂN DUY*

Tóm tắt

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia đào tạo lao động nông thôn tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát thực tế 173 người lao động. Kết quả nghiên cứu có 6 yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia đào tạo lao động nông thôn tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bao gồm: Giới tính, Tư vấn/hướng nghiệp; Thu nhập, số nhân khẩu/hộ; Trình độ học vấn; Diện tích đất sản xuất. Trong đó, "Giới tính của người lao động" có tác động mạnh nhất đến việc tham gia đào tạo nghề của người lao động nông thôn tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Từ khóa: người lao động nông thôn, đào tạo, Trà Ôn, Vĩnh Long.

Summary

Based on data collected from 173 respondents, this study aims to determinants of vocational training for rural labors in Tra On district, Vinh Long province. The outcome points out 6 factors, comprising gender, career counseling/guidance, income, household number/household size, educational background, production area. Specially, gender makes the biggest impact.

Keywords: rural labors, training, Tra On, Vinh Long

GIỚI THIỆU

Trà Ôn là huyện nghèo thuộc tỉnh Vĩnh Long, sản xuất nông nghiệp lạc hậu, thu nhập thấp, điều kiện sống còn khó khăn; kiến thức sản xuất hàng hóa của người dân nông thôn thấp và có khoảng cách xa so với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long; tập quán canh tác tự cấp, tự túc và tự phát cao, lao động chưa quan tâm đào tạo chiếm 78%, lao động qua đào tạo chiếm 21%; nguồn vốn trong dân đầu tư cho tạo việc làm mới phi nông nghiệp hạn chế.

Trong thời gian qua, Huyện đã tổ chức thực hiện nhiều giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tuy nhiên, công tác đào tạo nghề vẫn còn rất nhiều khó khăn, số lượng học viên tham gia khóa học còn rất ít so với tổng số lượng lao động tại địa phương.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Lao động là hoạt động có ý thức của con người, đó là quá trình con người

sử dụng công cụ lao động tác động lên đối tượng lao động cải biến nó tạo ra sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu của mình và xã hội (Phạm Đức Thuận, Dương Ngọc Thành, 2015).

Đào tạo nghề là hoạt động nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công việc được giao (Tổ chức Lao động Quốc tế - ILO).

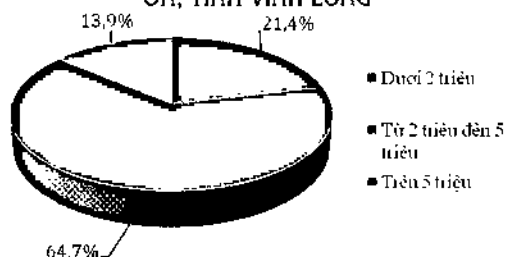
Để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, tác giả tiến hành thu thập số liệu thông qua phương pháp chọn mẫu phi xác suất kiểu thuận tiện. Đối tượng nghiên cứu là người lao động trong độ tuổi lao động có tham gia học nghề và không tham gia học nghề theo Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tác giả đã phỏng vấn trực tiếp từng người lao động bằng bảng câu hỏi. Số lượng mẫu là 173 người; thời gian thực hiện từ tháng 05-07/2017.

Trong nghiên cứu, phương pháp phân tích hồi quy nhị phân (Binary Logistic) được sử dụng nhằm ước lượng mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến việc tham gia đào tạo nghề của lao động nông thôn trên địa bàn huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long với biến phụ thuộc Y là tham gia đào tạo nghề và các biến độc lập X_i.

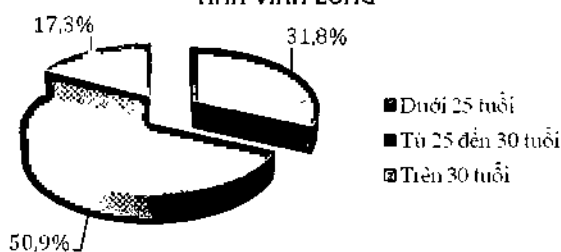
* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Cần Thơ | Email: vinhlongduy@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/08/2017; Ngày phản biện: 22/08/2017; Ngày duyệt đăng: 04/09/2017

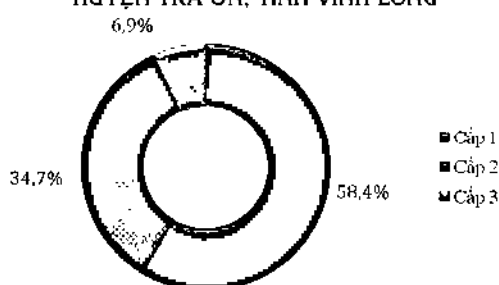
HÌNH 1: THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VINH LONG



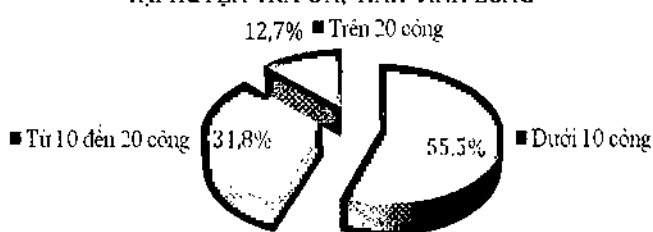
HÌNH 2: TUỔI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VINH LONG



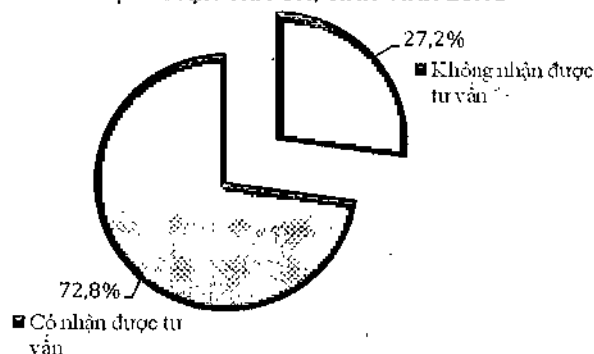
HÌNH 3: TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VINH LONG



HÌNH 4: DIỆN TÍCH ĐẤT SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VINH LONG



HÌNH 5: TƯ VẤN/HƯỚNG NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VINH LONG



Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thực trạng

Thực trạng tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long được đánh giá thông qua các yếu tố: Thu nhập; Tuổi; Trình độ học vấn; Diện tích đất sản xuất; Tư vấn/hướng nghiệp; Tuyên truyền vận động đào tạo nghề; Sự am hiểu của người lao động về Đề án 1956; Tỷ lệ người lao động tham gia đào tạo nghề.

Từ Hình 1 có thể thấy, Thu nhập của người lao động nông thôn tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long từ 2 triệu đồng đến 5 triệu đồng chiếm cao nhất với 64,7%; tiếp theo là thu nhập dưới 2 triệu đồng chiếm 21,4% và cuối cùng là thu nhập trên 5 triệu đồng chiếm 13,9%.

Từ Hình 2 có thể thấy, tuổi của người lao động nông thôn được khảo sát tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long từ 25 đến 30 tuổi chiếm cao nhất với 50,9%; tiếp theo là dưới 25 tuổi chiếm 31,8% và cuối cùng là trên 30 tuổi chiếm 17,3%.

Trình độ học vấn của người lao động nông thôn được khảo sát tại huyện Trà Ôn cũng rất thấp (Hình 3). Số lao động có trình độ tốt nghiệp cấp 1 chiếm cao nhất với 58,4%; tiếp theo là cấp 2 chiếm 34,7% và cuối cùng là cấp 3 chiếm 6,9%. Trình độ học vấn của người lao động thấp nguyên nhân là do họ chủ yếu sống ở nông thôn, điều kiện gia đình khó khăn, nên phải đi làm sớm, chủ yếu làm nông nghiệp.

Từ Hình 4 có thể thấy, Diện tích đất sản xuất của người lao động nông thôn được khảo sát tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long dưới 10 công chiếm cao nhất với 55,59%; tiếp theo là từ 10 đến 20 công chiếm 31,8% và cuối cùng là trên 20 công chiếm 12,7%.

Kết quả khảo sát cho thấy, người lao động không nhận được tư vấn về đào tạo chiếm rất cao với 72,8% và người lao động nhận được tư vấn về đào tạo chiếm rất thấp với 27,2% (Hình 5). Như vậy, có thể thấy, công tác Tư vấn/hướng nghiệp của địa phương còn rất yếu kém dẫn đến thực tế người lao động phần lớn chưa nhận được sự tư vấn/hướng nghiệp về đào tạo nghề.

Phân tích các yếu tố ảnh hưởng

Kết quả phân tích cho thấy, mô hình có hệ số R^2 Nagelkerke = 41,4% (Bảng). Điều này đồng nghĩa với việc 41,4% thay đổi của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập đưa vào mô hình nghiên

cứu (Đình Phi Hồ, 2014). Các biến TUOI (tuổi của đáp viên); TUYENTRUYEN (Tuyên truyền vận động của địa phương); NHANTHUC (nhận thức của người lao động); AMHIEU1956 (Am hiểu về đề án 1956); TTHN (Tình trạng hôn nhân) không có ý nghĩa thống kê do có mức ý nghĩa Sig. > 10%. Còn lại các biến TDHV (Trình độ học vấn); THUNHAP (Thu nhập của người lao động); DIENTICHSX (Diện tích sản xuất); NHANKHAU (Số nhân khẩu/hộ); GIOITINH (Giới tính); TUVAN (Tư vấn/hướng nghiệp) có ý nghĩa thống kê do có mức ý nghĩa Sig. < 10%.

Từ các hệ số hồi quy tác giả viết được phương trình hồi quy nhị nguyên (Binary Logistic) như sau:

$$\text{Log}_e \left(\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right) = -0,427 + 0,266*TDHV + 0,593*THUNHAP - 0,072*DIENTICHSX - 0,477*NHANKHAU - 1,509*GIOITINH + 1,244*TUVAN$$

Từ kết quả của mô hình hồi quy nhị nguyên, tác giả xác định được yếu tố Giới tính của người lao động có hệ số β là -1,509, nên tác động mạnh nhất đến việc tham gia đào tạo nghề của người lao động nông thôn tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; tiếp đến là Tư vấn/hướng nghiệp (hệ số $\beta = 1,244$); yếu tố Thu nhập (hệ số $\beta = 0,593$); Số nhân khẩu/hộ (hệ số $\beta = -0,477$); Trình độ học vấn của người lao động (hệ số $\beta = 0,266$) và cuối cùng là Diện tích đất sản xuất (hệ số $\beta = 0,072$).

KẾT LUẬN

Kết quả phân tích thực trạng tham gia đào tạo nghề cho người lao động nông

BẢNG: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH MÔ HÌNH HỒI QUY BINARY LOGISTIC

Biến độc lập	B	S.E.	Wald	df	Sig.	Exp(B)
TUOI	0,006	0,058	0,009	1	0,923	1,006
TDHV	0,266	0,113	5,511	1	0,019	1,304
THUNHAP	0,593	0,190	9,690	1	0,002	1,809
DIENTICHSX	-0,072	0,028	6,622	1	0,010	0,930
NHANKHAU	-0,477	0,203	5,508	1	0,019	0,621
GIOITINH	-1,509	0,914	2,723	1	0,099	0,221
TUVAN	1,244	0,485	6,580	1	0,010	3,471
TUYENTRUYEN	-0,271	0,419	0,418	1	0,518	0,763
NHANTHUC	0,493	0,427	1,331	1	0,249	1,637
AMHIEU1956	0,757	0,699	1,175	1	0,278	2,133
TTHN	0,571	0,427	1,794	1	0,180	1,771
Hệ số	-0,427	2,030	0,044	1	0,833	0,653
-2 Log likelihood = 164,587						
Nagelkerke R Square = 0,414						

Nguồn: Kết quả phân tích từ số liệu điều tra

thôn tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cho thấy, trình độ học vấn của người lao động còn rất hạn chế chủ yếu là cấp 1 (chiếm 58,4%); công tác tư vấn/hướng nghiệp của địa phương còn rất hạn chế dẫn đến số lượng người lao động am hiểu về Đề án 1956 rất ít và việc tham gia đào tạo nghề của người lao động cũng rất hạn chế.

Bên cạnh đó, các yếu tố ảnh hưởng đến tham gia đào tạo nghề của người lao động nông thôn tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bao gồm: Giới tính của người lao động (nếu lao động là nữ sẽ có khả năng tham gia đào tạo nghề cao hơn); Tư vấn/hướng nghiệp của địa phương (nếu người lao động nhận được sự tư vấn/hướng nghiệp của địa phương sẽ có khả năng tham gia đào tạo nghề cao hơn); Thu nhập (nếu người lao động có thu nhập càng cao sẽ có khả năng tham gia đào tạo nghề cao hơn); Số nhân khẩu/hộ (nếu hộ có số người trong hộ càng nhiều sẽ có khả năng tham gia đào tạo nghề thấp hơn); Trình độ học vấn (nếu người lao động có trình độ học vấn càng cao sẽ có khả năng tham gia đào tạo nghề cao hơn); Diện tích đất sản xuất (nếu người lao động có diện tích đất sản xuất càng nhiều sẽ có khả năng tham gia đào tạo nghề cao hơn). □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2009). *Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020*
2. Thủ tướng Chính phủ (2015). *Quyết định số 971/QĐ-TTg, ngày 01/7/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ*
3. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Trà Ôn (2015). *Báo cáo kết quả thực hiện công tác lao động, thương binh và xã hội năm 2015 và triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2016*
4. Mai Văn Nam (2008). *Giáo trình Kinh tế lượng (Econometrics)*, Nxb Văn hóa Thông tin
5. Nguyễn Quang Tuyến và Lê Hoàng Phúc (2016). *Thực trạng lao động nông thôn, ảnh hưởng của đào tạo nghề, việc làm và thu nhập của lao động tỉnh Vĩnh Long*, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, số 43, tr.51-59
6. Phạm Đức Thuận và Dương Ngọc Thành (2015). *Đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia đào tạo nghề của lao động nông thôn trên địa bàn TP. Cần Thơ*, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, số 40, tr.83-91